|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT YÊN MÔ B**  ĐỀ SỐ 6 | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH**  **NĂM HỌC 2024-2025**  **MÔN ĐỊA LÍ** |
|  | *Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN**

**Câu 1.** Phát biểu nào sau đây đúng về lãnh thổ của nước ta?

**A.** Nhiều đảo ven bờ, vùng biển rộng hơn so với vùng đất.

**B.** Hẹp ngang ở Nam bộ và mở rộng vùng Bắc Trung Bộ.

**C.** Đường bờ biển kéo dài từ Quảng Ninh cho đến Cà Mau.

**D.** Đường biên giới trên đất liền dài nhất với Trung Quốc.

**Câu 2.** Phát biểu nào sau đây là biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?

**A.** Cán cân bức xạ quanh năm âm. **B.** Sinh vật cận nhiệt đới chiếm ưu thế.

**C.** Xâm thực mạnh ở miền đồi núi. **D.** Chế độ nước sông không phân mùa.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây thể hiện tác động tích cực của quá trình đô thị hóa tới xã hội nước ta?

**A.** Giảm nguy cơ ô nhiễm môi trường đô thị.

**B.** Tạo cơ hội thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài.

**C.** Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**D.** Nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân.

**Câu 4:** Ngành du lịch của Đồng bằng sông Hồng đang ngày càng phát triển chủ yếu là do

**A.** sự đa dạng về tài nguyên du lịch nhân văn, du lịch tự nhiên.

**B.** cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch hoàn thiện.

**C.** những đổi mới trong chính sách, chất lượng cuộc sống tăng.

**D.** đông dân, nguồn lao động phục vụ cho ngành du lịch dồi dào.

**Câu 5.** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ở nước ta là

**A.** khai thác tối đa các nguồn lợi thủy sản, tăng thu nhập cho người dân.

**B.** thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư, sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên biển.

**C.** cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp, thu hút vốn ở ngoài nước.

**D.** tạo việc làm, đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, nguồn hàng xuất khẩu.

**Câu 6.** Nhận định nào sau đây đúng với sự phát triển của ngành công nghiệp sản xuất điện ở nước ta hiện nay?

**A.** Thuỷ điện luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu sản lượng điện của nước ta.

**B.** Đã xây dựng được mạng lưới điện quốc gia để khắc phục tình trạng mất cân đối giữa các vùng.

**C.** Là ngành công nghiệp được phát triển từ lâu đời và có nguồn năng lượng phong phú để sản xuất.

**D.** Chú trọng phát triển mạnh các nguồn năng lượng hoá thạch và thuỷ điện là xu hướng phát triển của ngành.

**Câu 7:** Hạn chế lớn nhất của lao động nước ta trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

**A.** thể lực, tác phong lao động công nghiệp, năng suất lao động.

**B.** năng suất lao động, trình độ chuyên môn kĩ thuật, số lượng tăng liên tục.

**C.** thể lực, trình độ chuyên môn kĩ thuật và tác phong lao động công nghiệp.

**D.** năng suất lao động, tư tưởng lao động mang tính chất nông nghiệp, chất lượng lao động.

**Câu 8.** Cân bằng ẩm của Bắc Bộ cao hơn so với Nam Bộ chủ yếu do

**A.** gió mùa Đông Bắc kèm theo một lượng mưa đáng kể.

**B.** tổng lượng mưa của Bắc Bộ cao và đều quanh năm.

**C.** mùa khô Bắc Bộ có nền nhiệt thấp hạn chế bốc hơi.

**D.** gần chí tuyến, xa xích đạo nên có nhiệt độ luôn thấp

**Câu 9.** Ngành chăn nuôi nước ta hiện nay có sự thay đổi theo hướng gia tăng các sản phẩm qua chế biến, có nguồn gốc rõ ràng nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** đảm bảo an toàn, tăng nguồn đầu tư.

**B.** mở rộng trang trại, phát triển thú y.

**C.** phục vụ xuất khẩu, tạo thương hiệu.

**D.** đáp ứng thị trường, nâng cao giá trị.

**Câu 10.** Nguyên nhân chính làm xuất hiện cảnh quan rừng ven biển Nam Bộ là

**A.** sự di cư của các loài thực vật từ phía nam lên.

**B.** khí hậu nóng ẩm, đất mặn có diện tích lớn.

**C.** nền nhiệt độ khá ổn định, có nhiều đất phèn.

**D.** mùa khô sâu sắc, địa hình thấp, bằng phẳng.

**Câu 11.** Ngành dịch vụ tiêu dùng ở nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do tác động của

**A.** công nghiệp phát triển, đô thị hóa nhanh, nhu cầu việc làm tăng.

**B.** trình độ khoa học kĩ thuật, mức sống, năng suất lao động xã hội.

**C.** mức độ tập trung dân cư, nhu cầu việc làm, đô thị hóa phát triển.

**D.** dân số đông, đô thị hóa phát triển, trình độ phát triển kinh tế.

**Câu 12:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ ở Đông bằng sông Hồng là

**A**. tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lí tự nhiên.

**B.** khai thác hợp lí tài nguyên, đa dạng hóa hoạt động sản xuất.

**C.** thu hút nguồn đầu tư, đầy nhanh tốc độ chuyển dịch kinh tế.

**D.** tăng hiệu quả kinh tế, giải quyết vấn đề xã hội và môi trường.

**Câu 13:** Giải pháp chủ yếu để ứng phó với xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay là

**A.** dự trữ đủ nước ngọt, đầy mạnh nuôi trồng thủy sản.

**B.** bố trí mùa vụ hợp lí, xây dựng các công trình để biển.

**C**. phát triển thủy lợi hợp lí, thay đổi cơ cấu nền kinh tế.

**D.** tăng cường công tác dự báo, sử dụng các giống mới.

**Câu 14.** Các khu vực có mức độ tập trung công nghiệp thấp chủ yếu là do

**A.** thiếu lao động có chuyên môn kĩ thuật cao, thiếu vốn, cơ sở vật chất.

**B.** thiểu nguồn nguyên liệu, cơ sở hạ tầng yếu kém và thị trường tiêu thụ.

**C.** thiếu lực lượng lao động, nguồn nguyên liệu sản xuất, các vốn đầu tư.

**D.** thiếu nguồn vốn trong và ngoài nước, lực lượng lao động, nguyên liệu.

**Câu 15.** Tác động chủ yếu của việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến đến sản xuất nông nghiệp nước ta là

**A.** ổn định và phát triển các vùng chuyên canh. **B.** nâng cao chất lượng lao động của nông thôn.

**C.** mở rộng thị trường trong nước và quốc tế. **D.** đa dạng hóa mặt hàng nông sản quan trọng.

**Câu 16:** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta hiện nay tăng nhanh chủ yếu do

**A.** kinh tế phát triển, chất lượng cuộc sống được nâng lên.

**B.** sự ra đời của nhiều trung tâm thương mại, siêu thị lớn.

**C.** hình thức bán hàng và cung cấpc ác dịch vụ rất đa dạng.

**D.** nhu cầu mua sắm, vui chơi của người dân ngày càng cao.

**Câu 17:** Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là

**A.** thúc đẩy công nghiệp chế biến, đa dạng sản phẩm.

**B.** tăng đầu tư, thu hút nhiều ngành sản xuất tham gia.

**C.** phát triển sản xuất hàng hóa, mở rộng thị trường.

**D.** đổi mới quản lí, tăng cường liên kết với nước ngoài.

**Câu 18. Thuận lợi chủ yếu ở Đông Nam Bộ để phát triển các vùng chuyên canh cây ăn quả là**  
**A.** địa hình tương đối bằng phẳng, đất ba-dan và đất xám phù sa cổ rộng.  
**B.** khí hậu cận xích đạo với nền nhiệt cao, lượng mưa lớn, hai mùa rõ rệt.  
**C.** có các hệ thống sông hồ; có nguồn nước nóng và nước khoáng dồi dào.  
**D.** tài nguyên rừng giàu có, phần lớn là rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.

**PHẦN II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI**

**Câu 1**: Cho bảng số liệu sau: **CHẾ ĐỘ MƯA Ở HUẾ VÀ TP. HỒ CHÍ MINH**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Địa điểm** | **Mùa mưa** | | | **Mùa khô** | | | |
| **Lượng mưa** *(mm)* | **Tháng mưa** | **Tháng mưa nhiều** | **Lượng mưa** *(mm)* | **Tháng mưa** | **Tháng mưa ít** |
| Huế | 2411 | VIII - I | X (795 mm) | 455 | II - VII | III (47 mm) |
| TP. HCM | 1851 | V - XI | IX (338 mm) | 128 | VII - IV | II (3 mm) |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)*

**a)** Chế độ mưa ở Huế, TP HCM có sự phân hóa theo mùa, chênh lệch lượng mưa giữa tháng mưa nhiều nhất và tháng mưa ít nhất trong năm khá lớn.

**b)** Chênh lệch lượng mưa giữa hai mùa ở TP. Hồ Chí Minh lớn hơn Huế, chứng tỏ Huế có sự phân hóa hai mùa mưa khô rõ rệt và có mùa khô sâu sắc hơn ở TP HCM.

**c)** Mùa mưa ở Huế vào thu đông vì vào nửa đầu mùa hạ chịu ảnh hưởng của gió phơn tây nam, cuối mùa chịu tác động của gió đông bắc. Mùa mưa ở TP. Hồ Chí Minh vào mùa hạ, trùng với gió mùa tây nam.

**d)** TP. Hồ Chí Minh về mùa đông chịu sự thống trị của Tín phong bán cầu nam, nên có mùa khô sâu sắc; mùa mưa có lượng mưa lớn do gió mùa tây nam, nên chênh lệch lượng mưa giữa hai mùa lớn.

**Câu 2. Cho thông tin sau:**

Năng suất lao động nước ta hiện nay tuy được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp, nền kinh tế vẫn dựa chủ yếu vào các ngành thâm dụng lao động và dịch vụ sử dụng nhiều lao đông phổ thông. Ngoài ra, người lao động hiện nay có nhiều lựa chọn việc làm về thời gian và thu nhập nên một số ngành không tuyển đủ công nhân vì thu nhập so với mức chi tiêu chưa cân xứng. Trình độ chuyên môn của lực lượng lao động đã có những cải thiện nhất định, song nhìn chung chất lượng còn thấp. Khả năng làm việc theo nhóm, tính chuyên nghiệp trong công việc còn yếu, khuynh hướng nắm vững lý thuyết, nhưng kém về năng lực thực hành còn phổ biến dẫn đến nhiều doanh nghiệp không tuyển được đúng vị trí việc làm.

*(Nguồn: tapchitaichinh.vn, 2023)*

**a)** Chất lượng lao động ở nước ta có sự phân hóa theo vùng.

**b)** Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu lao động có việc làm phân theo trình độ chuyên môn kĩ thuật nước ta.

**c)** Lao động nước ta còn hạn chế về trình độ chuyên môn kĩ thuật và tác phong lao động công nghiệp.

**d)** Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên chủ yếu do toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế.

**Câu 3**: **Cho thông tin sau:**

Hiện nay, Việt Nam là một trong các nước đứng đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu nông sản, nhất là lúa gạo. Trên thực tế, nhiều nơi và nhiều lĩnh vực đã hình thành các chuỗi giá trị đồng bộ từ sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, theo các hình thức liên kết khác nhau, như liên kết tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ đầu ra; liên kết góp vốn đầu tư sản xuất...

*(Nguồn: Tài liệu ôn thi HSG môn Địa lí 12)*

**a)** Nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu của nước ta có vị trí cao trên thế giới.

**b)** Để tăng khả năng cạnh tranh cho nông sản xuất khẩu nước ta cần ứng dụng công nghệ cao, tăng chế biến và tạo thương hiệu cho sản phẩm.

**c)** Khó khăn trong sản xuất nông sản xuất khẩu của nước ta là trình độ người lao động còn hạn chế nên chất lượng sản phẩm chưa cao.

**d)** Việc mở rộng thị trường tiêu thụ giúp cho sản xuất nông nghiệp trong nước phát triển mạnh và là nguyên nhân trực tiếp làm cho năng suất sản phẩm được nâng cao hơn.

**Câu 4. Cho thông tin sau:**

Đông Nam Bộ là vùng phát triển công nghiệp hàng đầu của cả nước, giá trị sản xuất liên tục tăng qua các năm. Năm 2021, giá trị sản xuất công nghiệp của vùng đạt 4 026, 2 nghìn tỉ đồng, chiếm trên 31 % so với cả nước. Cơ cấu công nghiệp của vùng bao gồm cả các ngành dựa vào lợi thế tài nguyên và lao động, các ngành công nghiệp mới và các ngành sử dụng công nghệ cao”.**a)** Năm 2021, tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ đứng thứ hai trong cả nước, sau vùng ĐBSH.

**b)** Cơ cấu ngành công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ khá đa dạng.

**c)** Thủ Dầu Một là trung tâm công nghiệp lớn nhất của vùng Đông Nam Bộ.

**d)** Tài nguyên thiên nhiên là nguồn lực chính để phát triển công nghiệp của vùng Đông Nam Bộ.

**PHẦN III. TRẮC NGHIỆM YÊU CẦU TRẢ LỜI NGẮN**

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**CHẾ ĐỘ MƯA CỦA HUẾ NĂM 2021**

|  |  |
| --- | --- |
| **Địa điểm** | **Huế** |
| **1. Mùa mưa** |  |
| - Lượng mưa *(mm)* | 2411 |
| - Số ngày mưa | 102 |
| - Thời gian mưa *(tháng)* | 8 - 11 |
| - Tháng mưa nhiều | 10 |
| + Lượng mưa *(mm)* | 795 |
| + Số ngày mưa | 21 |
| **2. Mùa khô** |  |
| - Lượng mưa *(mm)* | 455 |
| - Số ngày mưa | 55 |
| - Thời gian mưa *(tháng)* | 12 - 7 |
| - Tháng khô nhất | 3 |
| + Lượng mưa *(mm)* | 47 |
| + Số ngày mưa | 9 |

Căn cứ vào bảng số liệu, hãy tính % số ngày mưa của tháng mưa nhiều tại Huế (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %).

**- Tháng mưa nhiều là tháng 10, tháng này có 31 ngày**

**- 21/31 x 100 = 67,7 %**

**Câu 2.** Theo thống kê, năm 2021 cả nước vẫn còn 3,2 % lao động thất nghiệp và 3,1 % lao động thiếu việc làm. Số lao động của nước ta là 50,6 triệu người. Cho biết số lượng người lao động cần giải quyết việc làm của nước ta năm 2021 là bao nhiêu triệu người? *(làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).* **3,2**

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

**Tình hình xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2018 - 2022**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2018** | **2019** | **2020** | **2022** |
| Giá trị xuất khẩu *(Nghìn tỉ đồng)* | 5 917 | 6 563 | 6 787 | 8 941 |
| Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu *(%)* | 51,27 | 51,71 | 51,69 | 50,61 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)*

Hãy cho biết, chênh lệch cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 so với năm 2018 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? *(làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)* **78**

**Câu 4.** Tổng giá trị sản xuất công nghiệp nước ta năm 2021 là 13.026,8 nghìn tỉ đồng, trong đó đồng bằng sông Hồng chiếm 37,9 %, Đông Nam Bộ chiếm 31,7 % giá trị sản xuất công nghiệp cả nước. Hỏi giá trị sản xuất công nghiệp của đồng bằng sông Hồng gấp mấy lần Đông Nam Bộ? (*làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất*) **1,2**

**Câu 5. Cho bảng số liệu:**

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ĐÔNG XUÂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2020** | **2022** |
| Diện tích *( nghìn ha )* | 3 085,9 | 3 168,0 | 3 024,0 | 2 992,3 |
| Sản lượng *( nghìn tấn)* | 19 216,6 | 21 091,7 | 19 874,4 | 19 976,0 |

*( Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê,2023 )*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa vụ đông xuân của nước ta năm 2022 tăng thêm bao nhiêu tạ/ ha so với năm 2010. *(kết quả làm tròn đến số thập phân thứ hai của tạ/ha)****?*** **4,49**

**Câu 6.** Cho đỉnh núi cao 3500 m. Tính nhiệt độ ở chân sườn khuất gió, biết rằng tại sườn đón gió ở độ cao 100 m có nhiệt độ là 260C. (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của độ C). **40,6**

**------HẾT------**